

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2021/DS-PT

Ngày 14/4/2021

V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng  
quyền sử dụng đất, HĐ vay tài sản,  
Yêu cầu bồi thường thiệt hại

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thông

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Bà Trương Thị Bích Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng vay tài sản; Yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Hồ Thị C, sinh năm 1944.

1.2. Huỳnh Tấn T, sinh năm 1935 (Đã chết).

*Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:* Hồ Thị C, Huỳnh Anh T1 – sn 1971, Huỳnh Kim T2 – sn 1981, Huỳnh Trung T3 – sn 1984, Huỳnh Thu T4 – sn 1988, cùng địa chỉ: Số nhà 588, Tổ 77, Khóm Mỹ T5, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp; Huỳnh Kim T6 – sn 1976, địa chỉ: Ấp 8, xã Vĩnh C1, huyện Châu Thành, tỉnh Long An; Huỳnh Thanh T7 – sn 1973, địa chỉ: Ấp Khánh N, xã Tân Khánh Đ, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của bà C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T:* Ông Phan Văn B – sn 1952, địa chỉ: Số 35/90A,

Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cho:* Luật sư Nguyễn Minh T – Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và luật sư Trần Hải Đ1 – Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Bị đơn:**

2.1. Phan Văn L, sinh năm 1967.

2.2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 426/26, Phạm Hữu L1, phường 6, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của ông L, bà H:* Ông Đỗ H1 – sn 1968, địa chỉ: Số 161D/106/34C7 Lạc Long Q, Phường 3, Quận 11, TP.HCM, là người đại diện theo ủy quyền.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà H:* Luật sư Bùi Quang N1 – Công ty luật hợp danh Nghiêm và Chính, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

## **3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Huỳnh Tấn T8, sinh năm 1967.

3.2. Huỳnh Thanh T9, sinh năm 1979.

*Người đại diện hợp pháp của anh T8 và anh T9:* Bà Hồ Thị C, là đại diện theo pháp luật.

3.3. Huỳnh Kim T2, sinh năm 1981.

3.4. Huỳnh Thu T4, sinh năm 1988.

3.5. Trần Thị Tuyết L2, sinh năm 1987.

3.6. Huỳnh Nhật T10, sinh năm 2009.

Địa chỉ: Số 588, Tổ 77, Khóm Mỹ T5, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

*Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Nhật T10:* Huỳnh Trung T3 và Trần Thị Tuyết L2, địa chỉ: tổ 77, Khóm Mỹ T5, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3.7. Huỳnh Kim T6, sinh năm 1976, địa chỉ: Ấp 8, xã Vĩnh C1, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Kim T6, Huỳnh Kim T2, Trần Thị Tuyết L2, Huỳnh Thu T4:* Ông Phan Văn B, sinh năm 1952, địa chỉ: Số 35/90A, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền.

3.8. Huỳnh Thanh T7, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp Khánh N, xã Tân Khánh Đ, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

3.9. Huỳnh Anh T1, sinh năm 1971.

3.10. Huỳnh Trung T3, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 588, tổ 77, Khóm Mỹ T5, Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3.11. Trần Minh T11, sinh năm 1968, địa chỉ: Số nhà 109, đường Điện Biên Phủ, Phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Trần Minh N2, sinh năm 1961, địa chỉ: Số nhà 72, đường Phù Đ1, Phường Mỹ P, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Trần Huyền T12, sinh năm 1985, địa chỉ: Số nhà 133, đường Điện Biên Phủ, Phường Mỹ P, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Trần Lê H2, sinh năm 1955, địa chỉ: Số nhà 772B, đường Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của ông T11:* Ông Trần Minh N2, sinh năm 1961, địa chỉ: Số nhà 72, đường Phù Đ1, Tổ 13, Khóm Mỹ P, Phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo ủy quyền.

3.15. Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh

Đại diện: Ông Võ Phan Thành M – Chủ tịch

Địa chỉ: Số 03, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Hồ Thị C; ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H; ông Trần Minh T11.

(Ông B, bà C, ông H1, ông N2, luật sư Ng1 có mặt; đại diện UBND thành phố Cao Lãnh có đơn xin vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt; luật sư T10 và luật sư Đ1 vắng mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- *Nguyên đơn Hồ Thị C, Huỳnh Tấn T (đã chết) có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T có ông Phan Văn B đại diện trình bày:***

Ngày 01/4/1998 ông T, bà C thỏa thuận chuyển nhượng cho ông L, bà H diện tích đất 400 m<sup>2</sup> (đất thổ), thuộc thửa số 180 và 1.148 m<sup>2</sup> (đất lâu năm), thuộc thửa 497 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, với giá 230 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi). Hai bên có lập Tờ thỏa thuận (v/v chuyển nhượng QSDĐ), Tờ hợp đồng (v/v chuyển nhượng đất thổ cư và đất vườn) và lập hợp đồng theo mẫu quy định cùng ngày 01/4/1998. Ngày 13/5/1998 ông L được Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bản hợp đồng theo mẫu quy định có chứng thực tại UBND phường 3, ghi giá chuyển nhượng là 8.000.000 đồng là do ông L tự ghi nhầm mục đích gì bà C, ông T không biết.

Theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh) thì diện tích đất thực tế là 1.284,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 180 và thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh.

Theo thỏa thuận thì ông L, bà H phải giao trước 12 lượng vàng 24k (đợt 1), nhưng từ ngày 13/5/1998 đến ngày 23/5/1998 ông T có nhận của ông L, bà H ứng trước số tiền 15.250.000 đồng, trị giá tương đương 30 chỉ vàng 24k vàng 10 tuổi. Ông L, bà H không thực hiện đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật, ông L và bà H có lỗi làm cho hợp đồng không thực hiện được.

Ông T, bà C không có nhận 120 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi) theo nội dung Tờ thỏa thuận 01/4/1998, ông T và bà C có ký tên nhưng ông L giả mạo ghi thêm lừa ông T, bà C ký tên.

Theo công văn số 1258/UBND-TN, ngày 13/8/2013 của UBND thành phố Cao Lãnh xác nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T vào năm 1990 là cấp cho hộ ông T.

Diện tích đất tranh chấp là tài sản của hộ ông T và bà C, trong hộ gồm: ông T, bà C, anh T8, anh T1, chị T7, anh T9 và anh T3, trên đất có căn nhà của gia đình đang sinh sống và quản lý sử dụng gồm: bà C, anh T9, anh T8, anh T1, anh T3, chị T2, chị L2, chị T4 và Huỳnh Nhật T10.

Nay ông B đại diện bà C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T, yêu cầu hủy “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” lập ngày 01/4/1998, giữa ông T, bà C với ông L, bà H, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cao Lãnh cấp cho ông L, đối với diện tích đất thửa số 180 và thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, để bà C và những người đồng thừa kế của ông T đăng ký quyền sử dụng.

Trong thời gian phát sinh tranh chấp do ông L vi phạm hợp đồng, tính đến nay bà C thuê Luật sư để tư vấn pháp lý, người đại diện ủy quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp tại các phiên tòa, và khiếu nại theo trình tự giám đốc thẩm các lần xét xử trước đây, với số tiền tổng cộng là 132.000.000 đồng. Do đó nay ông B đại diện bà C yêu cầu ông L và bà H bồi thường thiệt hại số tiền 132.000.000 đồng.

Bà C và những người đồng thừa kế của ông T thống nhất giá trị diện tích đất tranh chấp hiện nay là 230 chỉ vàng 24k, theo hợp đồng đã ký kết, không thay đổi.

*- Bị đơn Phan Văn L, Nguyễn Thị H có ông Đỗ H1 đại diện trình bày:*

Ngày 01/4/1998 ông L, bà H nhận chuyển nhượng của ông T, bà C diện tích đất 1.548 m<sup>2</sup>, gồm 400 m<sup>2</sup> (đất thổ), thửa số 180 và 1.148 m<sup>2</sup> (đất lâu năm), thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, với giá 230 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi). Hai bên có lập Tờ thỏa thuận (v/v chuyển nhượng QSDĐ), Tờ hợp đồng (v/v chuyển nhượng đất thổ cư và đất vườn) và lập hợp đồng theo mẫu quy định cùng ngày 01/4/1998. Ngày 13/5/1998 ông L được UBND thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo bản hợp đồng theo mẫu theo quy định có chứng thực tại UBND phường 3, ghi giá chuyển nhượng là 8.000.000 đồng là do hai bên thống nhất ghi như vậy để giảm thuế.

Theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh) thì diện tích đất thực tế là 1.284,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa 180 và thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh.

Khi thỏa thuận chuyển nhượng ông L, bà H đã đặt cọc cho ông T, bà C 120 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi), về chứng cứ tại Tờ thỏa thuận, v/v chuyển nhượng quyền sử dụng đất, lập ngày 01/4/1998 cụ thể tại điều 4 ghi “Ông L sẽ chồng trước cho ông T 12 cây vàng 24k kể từ ngày ký thỏa thuận” “và thỏa thuận này thay cho biên nhận” và trong biên nhận ngày 23/5/1998 ghi còn 11

cây vàng, như vậy chứng minh ông L, bà H đã giao được 12 cây vàng cho ông T, bà C.

Từ ngày 13/5/1998 đến ngày 23/5/1998, ông T, bà C có nhận của ông L, bà H số tiền 15.250.000 đồng, giá trị tương đương 03 lượng vàng 24k vàng 10 tuổi. Như vậy, ông L, bà H đã trả cho ông T, bà C tổng cộng 150 chỉ vàng 24k, vàng 10 tuổi. Ngày 01/4/2000 ông L mang vàng đến UBND Phường 3 để trả cho ông T 08 lượng vàng nhưng ông T không nhận mà yêu cầu hủy hợp đồng.

Tờ hợp đồng ngày 01/4/1998 được viết vào ngày 23/5/1998 do ông T và bà C yêu cầu ông L giúp ông T, bà C làm thêm hợp đồng lần thứ ba theo ý ông T và bà C để ông T và bà C đối phó với các chủ nợ, nhưng ghi là ngày 01/4/1998.

Nay ông L, bà H (ông K đại diện) không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/4/1998 giữa ông L, bà H với ông T, bà C đối với diện tích đất thuộc thửa 180 và thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh; bà C và những người đồng thừa kế của ông T có trách nhiệm tháo dỡ, di dời nhà và các tài sản khác trên đất để giao đất cho ông L, bà H theo hợp đồng đã ký kết, ông L và bà H đồng ý giao tiếp cho ông T và bà C 80 chỉ vàng 24k vàng 10 tuổi.

*+ Đối với hợp đồng vay tài sản giữa ông L, bà H với ông T11:*

Theo đơn yêu cầu ông L, bà H yêu cầu ông T11, bà H2, ông N2, bà T12 liên đới trả số tiền chênh lệch 646.043.000 đồng, tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án, và yêu cầu trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 108213 – L 439625 do ông Phan Văn L đứng tên.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông L và bà H có Đơn rút lại toàn bộ yêu cầu đối với ông T11, bà H2, ông N2, bà T12 nêu trên. Tại phiên tòa, ông L và ông K (đại diện bà H) rút toàn bộ yêu cầu đối với ông T11, bà H2, ông N2, bà T12.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Anh T1 và Huỳnh Trung T3 trình bày:*

Diện tích đất đang tranh chấp thuộc thửa số 180 và thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, giữa bà C, ông T với ông L, bà H là tài sản chung của hộ gia đình, gồm: Ông T, bà C, chị T7, anh T8, anh T9, anh T1, anh T3, trên đất có căn nhà của hộ gia đình đang sinh sống.

Anh T1 và anh T3 không biết việc ông T, bà C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông L, bà H vào năm 1998.

Nay anh T1 và anh T3 yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà C với ông L, bà H, lập ngày 01/4/1998 đối với diện tích đất thuộc thửa số 180 và thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Kim T6, Huỳnh Kim T2, Trần Thị Tuyết L2, Huỳnh Thu T4 (có ông Phan Văn B đại diện) trình bày:*

Chị T6, chị T2, chị T4 là con của bà C, không biết việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông T, bà C và ông L, bà H, đồng thời không có ký

tên vào tờ thỏa thuận ngày 01/4/1998, không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng. Chị L2 là con dâu của bà C, hiện đang sống trong căn nhà trên đất tranh chấp, chị L2 không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thanh T7 trình bày:* Diện tích đất tranh chấp là tài sản chung hộ, trong đó có phần của chị T7, chị không biết việc thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa ông T, bà C và ông L, bà H, đồng thời không có ký tên vào tờ thỏa thuận ngày 01/4/1998, chị T7 không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh T11 (ông Trần Minh N2 đại diện) trình bày:*

Ngày 01/11/2011 ông T11 cho ông L, bà H vay 2.890.000.000 đồng, ông Lh và bà H đồng ý giao cho ông T11 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có Giấy chứng nhận số L 439625, ngày 13/5/1998 do UBND thị xã Cao Lãnh cấp cho ông Lĩnh đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên.

Theo đơn yêu cầu, ông T11 yêu cầu ông L và bà H trả số tiền nợ gốc 1.763.542.800 đồng, tiền lãi đến ngày 30/3/2017 là 2.376.992.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 4.140.534.800 đồng và yêu cầu tính lãi tiếp đến khi kết thúc vụ án.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông T11 đã có Đơn rút toàn bộ yêu cầu nêu trên, tại phiên tòa ông N2 đại diện ông T11 rút toàn bộ yêu cầu nêu trên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh N2, Trần Huyền T12, Trần Thị Lệ H2 (ông N2 đại diện chị T12g và chị H2) trình bày:* Do ông T11, ông L, bà H đã rút toàn bộ yêu cầu đối với tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, nên ông N2, chị H2 và chị Trang đồng ý và không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:*

1- Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Minh T11, yêu cầu ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị H trả số tiền vốn và lãi tổng cộng là 4.140.534.800 đồng và tính lãi tiếp đến khi kết thúc vụ án.

2- Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H, yêu cầu ông T11, bà H2, ông N2, bà T12 liên đới trả số tiền chênh lệch 646.043.000 đồng, và tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án, và yêu cầu trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 108213 – L 439625.

3- Chấp nhận yêu cầu của: bà Hồ Thị C, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Tấn T (ông Phan Văn B đại diện), anh Huỳnh Anh T1, anh Huỳnh Trung T3, yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn T, bà Hồ Thị C với ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H, lập ngày 01/4/1998, đối với diện tích đất thuộc thửa số 180 và

thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

4- Hộ bà Hồ Thị C và những người thừa kế của ông T gồm: Bà Hồ Thị C, chị Huỳnh Thanh T7, chị Huỳnh Kim T6, chị Huỳnh Kim T2, chị Huỳnh Thu T4, anh Huỳnh Anh T1, Huỳnh Trung T3, Huỳnh Thanh T9 và Huỳnh Tấn T8 (bà C đại diện theo pháp luật của anh T9 và anh T8) được quyền sử dụng đất và có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng diện tích đất 1.284,5m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 2, mốc 3, mốc 4, mốc 9, mốc 10 đến mốc 2 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh), và phải chịu nghĩa vụ tài chính (nếu có).

5- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01960.QSĐĐ/T1, ngày 13/5/1998 của UBND thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp cho ông Phan Văn L.

6- Buộc ông Trần Minh T11 nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01960.QSĐĐ/T1, ngày 13/5/1998 của Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, để thi hành quyết định trên.

7- Buộc bà C, chị T7, chị T6, chị T2, chị T4, anh T1, anh T3, anh T9 và anh T8 (bà C đại diện theo pháp luật của anh T9 và anh T8) cùng liên đới trả cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị H 30 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi).

8- Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị C, yêu cầu ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 132.000.000 đồng.

9- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Đã được giải quyết tại Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số 291/2018/QĐST-DS, ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

10- Về chi phí giám định: Chi phí giám định đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản tổng cộng là 9.860.000 đồng ông L đã nộp tạm ứng, do ông L đã rút yêu cầu nên ông L phải chịu; chi phí giám định đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tổng cộng là 8.500.000 đồng, ông L đã tạm ứng, do yêu cầu của bà C, anh T1 và anh T3 được chấp nhận nên ông L phải chịu.

11- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T11 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 55.321.000 đồng theo biên lai số 08084, ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Ông L, bà H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.920.500 đồng theo biên lai số 11277, ngày 11/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Ông L, bà H được nhận lại tiền chênh lệch là 14.620.500 đồng.

Chị T6, chị T7, chị T2, anh T1 phải liên đới chịu án phí là 5.250.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền án phí ông T, bà C đã nộp là 1.879.500 đồng, chị T7, chị T2, chị T6, chị T4, anh T1 còn phải liên đới nộp tiếp số tiền là 3.370.500 đồng.

Anh Huỳnh Anh T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002364, ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Anh Huỳnh Trung T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002361, ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Ngày 25/5/2020 bà Hồ Thị C kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Ngày 26/5/2020 ông Phan Văn L và bà H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Ngày 25/5/2020 ông Trần Minh T11 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2020/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

- Tại phiên tòa ông H1 phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa ông B phát biểu: Đại diện cho bà Cho rút toàn bộ kháng cáo, không yêu cầu bồi thường số tiền 132.000.000đ. Theo Công văn số 1258 của UBND thị xã Cao Lãnh xác định việc cấp đất là cấp cho hộ ông T và Công an thành phố Cao Lãnh xác nhận các thành viên trong hộ của ông T. Vụ án giải quyết 21 năm chưa xong. Trong cùng một ngày nhưng có 03 văn bản không trùng khớp với nhau. Nhân chứng khai 03-4 tháng sau mới ký xác nhận. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa ông N2 phát biểu: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho cá nhân ông T, nếu có nhiều văn bản trả lời chưa thống nhất thì có văn bản hỏi Sở Tài nguyên Môi trường. Nếu bên ông L đã thanh toán rồi thì tiếp tục thực hiện hợp đồng, còn lại phần chưa thanh toán thì thanh toán tiếp. Do đó giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Thuận, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

- Luật sư Bùi Quang N1 phát biểu:

+ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn; đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

+ Giá thỏa thuận theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 230 chỉ vàng 24k.

+ Xác định được rằng ông L, bà H đã trả 02 lần cho ông Tạo được 15 lượng vàng 24k, có nhân chứng. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét lời khai của người làm chứng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L, bà H.



+ Các hợp đồng đều thể hiện ông L, bà H đã trả được 15 lượng vàng 24k.

+ Câu có nội dung "... thỏa thuận này thay biên nhận." là ông L ghi thêm nhưng ghi trước khi 02 bên ký tên.

+ Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều luật của Bộ luật dân sự năm 1995 cho rằng hợp đồng ngày 01/4/1998 không đúng và hủy hợp đồng là không đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà C do rút kháng cáo; không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà H; không chấp nhận kháng cáo của ông T11; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Huyền T12, Trần Lệ H2 vắng mặt; đại diện UBND thành phố Cao Lãnh có đơn xin xét xử vắng mặt; luật sư T10 và luật sư Đ1 vắng mặt, ông B, bà C thống nhất với việc vắng mặt của luật sư T10 và luật sư Đ1, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng vay tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại là đúng pháp luật.

Đồng nguyên đơn ông Huỳnh Tấn T đã chết, nên Tòa án đưa những người thừa kế của ông T tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là đúng.

Anh Huỳnh Tấn T8 và Huỳnh Thanh T9 là người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi nên có bà Hồ Thị C là người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng.

[2] Xét kháng cáo của bà C, ông L, bà H, ông T11 có yêu cầu cụ thể như sau:

[2.1] Đối với kháng cáo của ông Trần Minh T11 đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 01/4/1998 và không hủy Giấy chứng nhận QSD đất do ông L đứng tên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T11 đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông L, bà H; đồng thời ông L, bà H có đơn rút

toàn bộ yêu cầu đối với tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với ông T11. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa ông T11 với ông L, bà H là đúng pháp luật.

Đối với kháng cáo của ông T11 đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 01/4/1998 và không hủy Giấy chứng nhận QSD đất do ông L đứng tên là trùng với yêu cầu kháng cáo của ông L, bà H nên xét ở phần sau.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà C yêu cầu buộc ông L, bà H bồi thường cho bà C số tiền 132.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B là người đại diện của bà C xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, việc này ông B có hỏi ý kiến và bà C thống nhất (do bà C có dự phiên tòa) và đại diện bị đơn thống nhất. Cho nên chấp nhận việc rút kháng cáo của bà C, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần này.

[2.3] Đối với kháng cáo của ông L, bà H yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị công nhận Hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 01/4/1998 và không hủy Giấy chứng nhận QSD đất do ông L đứng tên; đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Nguồn gốc đất tranh chấp diện tích 400 m<sup>2</sup> (đất thổ), thửa số 180 và 1.148 m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm), thửa 497 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh là của ông T, bà C, được cấp giấy CNQSD đất do hộ ông T đứng tên.

- Ngày 01/4/1998 ông T, bà C thỏa thuận chuyển nhượng cho ông L, bà H diện tích đất 400 m<sup>2</sup> (đất thổ), thửa số 180 và 1.148 m<sup>2</sup> (đất cây lâu năm), thửa 497 cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, với giá 230 chỉ vàng 24k (vàng 10 tuổi). Ngày 13/5/1998 ông L được Ủy ban nhân dân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng chưa nhận đất, diện tích đất tranh chấp hiện do bà C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông T đang quản lý sử dụng.

- Theo Công văn số 1258 ngày 15/8/2013 của UBND thành phố Cao Lãnh xác nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất tranh chấp là cấp cho hộ ông T. Đồng thời theo Xác nhận ngày 10/4/2017 của Công an thành phố Cao Lãnh xác định hộ gia đình ông T, bà C tại thời điểm ngày 16/8/1990 khi ông T được cấp quyền sử dụng đất trong hộ gồm: Ông Huỳnh Tấn T, anh Huỳnh Tấn T8, anh Huỳnh Anh T1, chị Huỳnh Thanh T7, anh Huỳnh Thanh T9, anh Huỳnh Thành T3.

Khi ký kết hợp đồng vào năm 1998, trên diện tích đất có căn nhà của hộ gia đình đang sinh sống, ông T và bà C lập hợp đồng chuyển nhượng, không có ý kiến của các thành viên trong hộ, nên ảnh hưởng đến quyền lợi của những thành viên trong hộ tại thời điểm ký hợp đồng gồm: anh T8, anh T1, chị T7, anh T9, anh T3.

Hai bên chưa giao nhận đủ tiền vàng theo hợp đồng chuyển nhượng và chưa bàn giao đất chuyển nhượng.

Khi ông T và bà C lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có căn nhà của hộ gia đình đang sinh sống đã xâm phạm đến lợi ích của những thành viên còn lại trong gia đình.

Do đó Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/4/1998 giữa ông T, bà C với ông L, bà H, đối với diện tích đất thửa số 180 và thửa 497 cùng tờ bản đồ số 4, tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Đối với việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán, việc giao nhận vàng tiền, xét thấy:

Theo ông L, bà H trình bày đã trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, bà C 2 lần, tổng cộng 15 lượng vàng 24k, lần 1 đặt cọc 12 lượng vàng 24k vào ngày 01/4/1998, lần 2 trả bằng tiền quy ra 03 lượng vàng vào ngày 23/5/1998; trong khi bà C xác định chỉ nhận 03 lượng vàng 24k của ông L, bà H.

Tại Điều 4 ngày 01/4/1998 “Tờ thỏa thuận” có nội dung: “...Ông L sẽ chôn trước cho ông T 12 cây vàng 24k (quy bằng một trăm hai mươi chỉ) kể từ ngày ký thỏa thuận. Số còn lại sau khi được UBND F3 TXCL ký và được QSDĐ mới đứng ra tên ông L sẽ T2 hết 1 lần tại UBND F3, và thỏa thuận này thay cho biên nhận”.

Trong khi đó tại điều 2 “Tờ hợp đồng” ghi: “Ông Lĩnh sẽ đưa trước cho ông T 11 cây vàng” và Điều 4 “Tờ hợp đồng” ghi “Khi nào ông T dỡ nhà đi thì lúc đó ông L sẽ trả 12 cây vàng còn lại cho ông T”, còn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ghi giá chuyển nhượng là 8.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Lê Hoàng A ngày 08/8/2003, ông A trình bày: “...Do hai bên đã làm trước tôi không biết. Đến khoảng 03-4 tháng sau thì ông L đem tờ thỏa thuận nhờ tôi ký có thấy việc trả vàng cho ông T, tôi nói hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã xong ký làm gì nữa, thì ông Lĩnh nói ký để xác nhận có thấy việc trả vàng nên có ký vào là thấy ông Lĩnh trả vàng cho ông T tạo nhưng số lượng bao nhiêu tôi không biết...”. Tòa án phúc thẩm mời ông A làm việc nhưng không tiến hành làm việc được do ông Ân hiện bị tai biến nặng, không đủ năng lực hành vi.

Do đó thấy rằng số vàng ông L, bà H trả trước cho ông T, bà C thể hiện tại “Tờ thỏa thuận” và “Tờ hợp đồng” nêu trên có mâu thuẫn với nhau.

Theo “Tờ thỏa thuận” có ghi cụm từ “thỏa thuận này thay cho biên nhận” thì đã được giám định và theo Bản kết quả giám định số 51/KLGD-PC21, ngày 16/3/2007 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đồng Tháp và Kết luận giám định số 199/C54-P5, ngày 01/10/2012 của Viện khoa học hình sự Bộ công an, kết luận: Dòng chữ “thỏa thuận này thay cho biên nhận” là các chữ viết thêm. Tại phiên tòa ông Hòa cho rằng việc ông L ghi thêm dòng chữ này là ghi trước khi hai bên ký tên nhưng không có cơ sở chứng minh, bởi vì

nếu có ghi thêm thì hai bên phải ký tên vào ngay chỗ ghi thêm mới xem là hợp lệ.

Đối với Tờ hợp đồng đã ghi “Ông L trả trước cho ông T 11 lượng vàng” nhưng không có biên nhận thể hiện ông L trả cho ông T số vàng này. Mặc khác, cuối “Tờ hợp đồng” có ghi “Giấy biên nhận” ngày 23/5/1998 là: “Trong số vàng này là 11 cây giao trước ông T đã nhận 03 cây hẹn đến 10/98 sẽ giao tiếp. Hơn nửa ngày 23/5/1998 khi giao 03 lượng vàng thì có ghi biên nhận, nhưng khi đặc cọc 12 lượng thì không có ghi biên nhận; biên nhận ngày 23/5/1998 cũng không thể hiện còn lại 11 lượng vàng, do đó đủ cơ sở xác định ông L và bà H chỉ giao cho ông T, bà C 03 lượng vàng 24k.

Do đó xác định rằng ông L và bà H chỉ trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, bà C được một phần theo thỏa thuận là 30 chỉ vàng 24k. Như vậy ông L, bà H không thực hiện đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên căn cứ khoản 2 Điều 409 Bộ luật dân sự năm 1995, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 01/4/1998 giữa ông T, bà C với ông L, bà H.

Tuy nhiên xét thấy việc giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ ông T, bà C nhưng ông T, bà C không thông tin đầy đủ cho bên ông L, bà H biết là có lỗi dẫn đến phải hủy hợp đồng ngày 01/4/1998 nên phải bồi thường một khoản tiền, vàng bằng gấp đôi số vàng mà ông L, bà H đã trả cho ông T, bà C, tổng cộng là 60 chỉ vàng 24k.

Do hủy hợp đồng nên bà C và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T phải trả lại cho ông L và bà H 60 chỉ vàng 24k.

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút kháng cáo của bà C; không chấp nhận kháng cáo của ông T11; chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, bà H. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T11 nên ông T11 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà C rút yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông L, bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận việc rút toàn bộ kháng cáo của bà Hồ Thị C do ông Phan Văn B đại diện.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H.

- Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Trần Minh T11.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 2 Điều 409, Điều 419, khoản 2 Điều 710 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị C về việc yêu cầu ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 132.000.000đ.

2- Đình chỉ yêu cầu của ông Trần Minh T11, yêu cầu ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị H trả số tiền vốn và lãi tổng cộng là 4.140.534.800 đồng và tính lãi tiếp đến khi kết thúc vụ án.

3- Đình chỉ yêu cầu của ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H, yêu cầu ông Trần Minh T11, bà Trần Lệ H2, ông Trần Minh N2, bà Trần Huyền T11 liên đới trả số tiền chênh lệch 646.043.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi kết thúc vụ án, và yêu cầu trả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 108213 – L 439625.

4- Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị C và của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Tấn T (gồm: Bà Hồ Thị C, chị Huỳnh Thanh T7, chị Huỳnh Kim T6, chị Huỳnh Kim T2, chị Huỳnh Thu T4, anh Huỳnh Anh T1, Huỳnh Trung T3, Huỳnh Thanh T9 và Huỳnh Tấn T8 (bà Cho đại diện theo pháp luật của anh T9 và anh T8)).

Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Tấn T, bà Hồ Thị C với ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H, lập ngày 01/4/1998, đối với diện tích đất thuộc thửa số 180 và thửa 497, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc Phường 3, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

5- Hộ bà Hồ Thị C và những người thừa kế của ông Huỳnh Tấn T gồm: Bà Hồ Thị C, chị Huỳnh Thanh T7, chị Huỳnh Kim T6, chị Huỳnh Kim T2, chị Huỳnh Thu T4, anh Huỳnh Anh T1, Huỳnh Trung T3, Huỳnh Thanh T9 và Huỳnh Tấn T8 (bà C đại diện theo pháp luật của anh T9 và anh T8) được quyền sử dụng đất diện tích đất 1.284,5m<sup>2</sup> trong phạm vi các mốc 2, mốc 3, mốc 4, mốc 9, mốc 10 đến mốc 2 theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Cao Lãnh (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cao Lãnh).

Hộ bà Hồ Thị C có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất như án đã tuyên và phải chịu nghĩa vụ tài chính (nếu có).

6- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01960.QSDĐ/T1, ngày 13/5/1998 của UBND thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cấp cho ông Phan Văn L.

7- Buộc ông Trần Minh T11 nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01960.QSDĐ/T1, ngày 13/5/1998 của Ủy ban nhân dân thị xã Cao Lãnh (nay là thành phố Cao Lãnh) cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, để thi hành quyết định trên.

8- Buộc bà Hồ Thị C, chị Huỳnh Thanh T7, chị Huỳnh Kim T6, chị Huỳnh Kim T2, chị Huỳnh Thu T4, anh Huỳnh Anh T1, Huỳnh Trung T3, Huỳnh Thanh T9 và Huỳnh Tấn T8 (bà C đại diện theo pháp luật của anh T9 và anh T8) cùng liên đới trả cho ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị H 60 (sáu mươi) chỉ vàng 24k.

9- Không chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị C về việc yêu cầu ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị H bồi thường số tiền 132.000.000 đồng.

10- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Đã được giải quyết tại Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn số 291/2018/QĐST-DS, ngày 13/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

11- Về chi phí giám định: Chi phí giám định đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản tổng cộng là 9.860.000 đồng ông L đã nộp tạm ứng, do ông L đã rút yêu cầu nên ông L phải chịu; chi phí giám định đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tổng cộng là 8.500.000 đồng, ông L đã tạm ứng, do yêu cầu của bà C, anh T và anh T được chấp nhận nên ông L phải chịu.

12- Về án phí:

- Ông Trần Minh T không phải nộp án phí sơ thẩm nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí 55.321.000 đồng theo biên lai số 08084, ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Ông T11 phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004760 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Ông L, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.920.500 đồng theo biên lai số 11277, ngày 11/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Ông L, bà H được nhận lại tiền chênh lệch là 14.620.500 đồng. Ông L, bà H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004750 và số 0004749 cùng ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Chị T6, chị T7, chị T2, anh T1 phải liên đới chịu án phí là 10.500.000 đồng án phí DSST, nhưng được khấu trừ vào tiền án phí ông T, bà C đã nộp là 1.879.500 đồng, chị T7, chị T2, chị T6, chị T4, anh T1 còn phải liên đới nộp tiếp số tiền là 7.129.500 đồng.

- Bà Hồ Thị C không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên bà C được nhận lại 300.000đ tiền tạm nộp án phí theo Biên lai số 0004744 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh..

- Anh Huỳnh Anh T1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002364, ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

- Anh Huỳnh Trung T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002361, ngày 31/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thông**